TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2375/2022/DS-ST
Ngày: 29/6/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Quốc Hưng

2. Ông Phạm Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 822/2021/TLST-DS ngày 23/12/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3055/2022/QĐXXST - DS ngày 18 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3718/2022/QĐST-DS ngày 08/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP VNP**

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 và tầng 2, Tòa nhà A – số B, phường C, Quận D.

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Văn Th, ông Nguyễn Trí M, ông Trần Ngọc V là đại diện theo ủy quyền.

(Giấy ủy quyền ngày 06/6/2022).

Bị đơn: **Bà Lâm Xuân T**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số X KP3, phường Y, thành phố Thủ Đức.

(Ông M, ông V có mặt, Bà T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2021, bản tự khai, biên bản làm việc và biên bản hòa giải nguyên đơn Ngân hàng TMCP VNP có ông Phan Thanh H là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 17/10/2019, Ngân hàng TMCP VNP – VNP TTKD HO và Bà Lâm Xuân T ký Hợp đồng tín dụng số 0153/HĐTD-VNP601/19 với nội dung:

- Số tiền giải ngân: 659.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi chín triệu đồng);
- Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Transit;
- Thời hạn vay: 84 tháng, từ 23/01/2019 đến 22/01/2026;
- Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9,5%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân Khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của VNP tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,9%/năm.
- Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng trả 7,846,000 đồng cùng với ngày trả lãi, phần còn lại trả vào cuối kỳ.
- Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 20, kỳ trả nợ đầu tiên ngày 20/02/2019;
- Trả phí: theo quy định của VNP từng thời kỳ;
- Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

VNP đã giải ngân cho Bà Lâm Xuân T theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0153/KUNN/VNP601/19 ngày 22/01/2019 với số tiền 659.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng Bà Lâm Xuân T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Ngày 13/4/2020, VNP đã chuyển khoản vay thành nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 06/07/2021, Bà Lâm Xuân T đã thanh toán cho VNP số tiền là 175.044.500 đồng (trong đó: gốc là 109.900.000 đồng, lãi là 65.144.500 đồng).

Nay, VNP khởi kiện yêu cầu Bà T có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 18/4/2022 là: 765.372.730 đồng, trong đó gồm có nợ gốc là: 549.100.000 đồng, nợ lãi là: 216.272.730 đồng.

Lãi suất tiếp tục phát sinh từ ngày 19/4/2022 cho đến khi Bà T trả hết khoản nợ trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án Bà Lâm Xuân T vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa:

Đại diện Ngân hàng TMCP VNP vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc Bà Lâm Xuân T có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 29/6/2022 là:

785.681.908 đồng, trong đó gồm có nợ gốc là: 549.100.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 8.949.870 đồng, nợ lãi quá hạn là 227.632.038. Lãi suất tiếp tục phát sinh từ ngày 30/6/2022 cho đến khi Bà T trả hết khoản nợ trên.

Bị đơn – Bà Lâm Xuân T đã được Tòa án tống đạt nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP VNP tranh chấp hợp đồng tín dụng với Bà Lâm Xuân T, sinh năm 1977, địa chỉ: Số X KP3, phường Y, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minhnên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Theo Hợp đồng tín dụng số 0153/HĐTD-VNP601/19 ngày 17/10/2019 thể hiện địa chỉ liên hệ của Bà T tại số X KP3, phường Y, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả trả lời xác minh ngày 20/5/2022 của Công an phường An Khánh, thành phố Thủ Đức cho biết *"hiện nay Bà Lâm Xuân T không cư trú tại địa chỉ: Số X KP3, phường Y, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện tại địa chỉ trên nằm trong khu giải tỏa"*. Theo khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/NQ – HĐTP/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn:*"địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở"*, do đó xác định địa chỉ số X KP3, phường Y, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ cư trú của Bà T. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn Bà Lâm Xuân T vắng mặt không có lý do nên vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại địa chỉ số X KP3, phường Y, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, trụ sở Ủy ban nhân

dân phường An Khánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh đối với Bà T cụ thể như sau:

- Thông báo thụ lý vụ án số 822/TBTL ngày 23/12/2022 và Giấy triệu tập đương sự đối với Bà Lâm Xuân T có mặt lúc 09 giờ 00 phút ngày 13/01/2022 để trình bày bản tự khai;

- Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 18/4/2022;

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 08/6/2022;

- Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 29/6/2022;

Tất cả các lần được triệu tập nêu trên, bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, Bà T vắng mặt không có lý do nên căn cứ Khoản 2 Điều 227, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Bà Lâm Xuân T.

[4] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP VNP khởi kiện yêu cầu Bà Lâm Xuân T tính đến ngày 29/6/2022 còn nợ các khoản sau: nợ gốc là: 549.100.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 8.949.870 đồng, nợ lãi quá hạn là 227.632.038, tổng cộng là 785.681.908 đồng. Lãi suất tiếp tục phát sinh từ ngày 30/6/2022 cho đến khi Bà T trả hết khoản nợ trên.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VNP:

Hợp đồng tín dụng số 0153/HĐTD-VNP601/19 ngày 17/10/2019 với nội dung:

- Số tiền giải ngân: 659.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi chín triệu đồng);
- Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Transit;
- Thời hạn vay: 84 tháng, từ 23/01/2019 đến 22/01/2026;
- Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9,5%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân Khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của VNP tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,9%/năm.
- Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng trả 7,846,000 đồng cùng với ngày trả lãi, phần còn lại trả vào cuối kỳ.
- Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 20, kỳ trả nợ đầu tiên ngày 20/02/2019;
- Trả phí: theo quy định của VNP từng thời kỳ;
- Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

VNP đã giải ngân cho Bà Lâm Xuân T theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0153/KUNN/VNP601/19 ngày 22/01/2019 với số tiền 659.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng Bà Lâm Xuân T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Ngày 13/4/2020, VNP đã chuyển khoản vay thành nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 06/07/2021, Bà Lâm Xuân T đã thanh toán cho VNP số tiền là 175.044.500 đồng (trong đó: gốc là 109.900.000 đồng, lãi là 65.144.500 đồng).

Tính đến ngày 29/6/2022 Bà T còn nợ các khoản sau: nợ gốc là: 549.100.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 8.949.870 đồng, nợ lãi quá hạn là 227.632.038 đồng, tổng cộng là 785.681.908 đồng. Lãi suất tiếp tục phát sinh từ ngày 30/6/2022 cho đến khi Bà T trả hết khoản nợ trên và lãi suất quá hạn theo thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Bà T đã được tống đạt hợp lệ đến tòa để trình bày lời khai, hòa giải, phiên họp công khai chứng cứ về số nợ nêu trên nhưng Bà T không đến tòa là không tôn trọng quy định của pháp luật, cố tình trốn tránh nghĩa vụ của mình đồng thời tự từ bỏ quyền được trình bày ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp là chứng cứ chứng minh quan hệ giao dịch vay tài sản giữa Bà T với VNP. Quan hệ giao dịch này làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, do Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Bà T phải có nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết với VNP.

- *Về tiền lãi*: Lãi suất trong hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0153/HĐTD-VNP601/19 ngày 17/10/2019 tại thời điểm giải ngân là Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9,5%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân Khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của VNP tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,9%/năm. Như vậy, từ ngày 13/4/2020 đến ngày 29/6/2022 thì lãi suất nợ quá hạn cụ thể là: 227.632.038 đồng.

Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 qui định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Các bên tự nguyện thỏa thuận về mức tiền lãi, và được quy định trong hợp đồng. Theo thỏa thuận thì tính từ thời điểm Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì toàn bộ bố nợ gốc chuyển thành nợ quá hạn, lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là 227.632.038 đồng. Do đó, số tiền lãi mà VNP yêu cầu là có cơ sở chấp nhận. Kể từ ngày 30/6/2022 nếu Bà T không

trả, thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 0153/HĐTD-VNP601/19 ngày 17/10/2019.

Để đảm bảo cho khoản vay của hợp đồng tín dụng Bà Lâm Xuân T thế chấp tài sản bảo đảm là xe ô tô tải hiệu Ford, BKS: 51B – 409.41, số khung: RL3DLT4MFJGR79065, số máy: JBP703336DURATORQ4D244L. Tuy nhiên phía VNP không yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm trong trường hợp Bà T không thanh toán được nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VNP:

Buộc Bà Lâm Xuân T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP VNP tổng cộng số tiền tính đến ngày 29/6/2022 tổng cộng là 785.681.908 *(bảy trăm tám mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi mốt ngàn, chín trăm lẻ tám)* đồng, trong đó nợ gốc là: 549.100.000 *(năm trăm bốn mươi chín triệu, một trăm ngàn)* đồng, nợ lãi trong hạn là: 8.949.870 *(tám triệu, chín trăm bốn mươi chín ngàn, tám trăm bảy mươi)* đồng, nợ lãi quá hạn là 227.632.038 *(hai trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi hai ngàn, không trăm ba mươi tám)* đồng.

Kể từ ngày 30/6/2022 nếu Bà T không trả, thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 0153/HĐTD-VNP601/19 ngày 17/10/2019.

Các bên Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.427.276 *(ba mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi bảy ngàn, hai trăm bảy mươi sáu)* đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP VNP là 15.077.071 *(mười lăm triệu, không trăm bảy mươi bảy ngàn, không trăm bảy mươi mốt)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0025104 ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ngân hàng Ngân hàng TMCP VNP và Bà Lâm Xuân T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tp. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự tp. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Hải Yến